







CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM




Độc lập – Tự do – Hạnh phúc


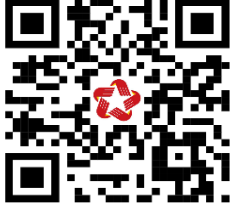

DANH SÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
1	2.000206.000.00.00.H36	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	
2	2.001384.000.00.00.H36	Phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện	
3	1.005412.000.00.00.H36	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
4	1.004082.000.00.00.H36	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích (Cấp Xã)	
5	1.013822.H36	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn	
6	1.013821.H36	Thực hiện, điều chỉnh, tạm dừng, thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
7	2.000355.000.00.00.H36	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	
8	1.001653.000.00.00.H36	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	
9	1.001699.000.00.00.H36	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
10	1.001731.000.00.00.H36	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	
11	1.001776.000.00.00.H36	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	
12	2.000286.000.00.00.H36	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
13	2.000282.000.00.00.H36	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội	
14	2.000477.000.00.00.H36	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội	
15	2.002620.H36	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
16	3.000439.H36	Giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	
17	3.000443.H36	Công nhận khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	
18	3.000441.H36	Trả lại khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
19	3.000440.H36	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	
20	3.000442.H36	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	
21	1.005462.000.00.00.H36	Phục hồi danh dự (cấp huyện)	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
22	2.002165.000.00.00.H36	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)	
23	2.002190.000.00.00.H36	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp huyện)	
24	3.000309.H36	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
25	1.012971.H36	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập	
26	1.012973.H36	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập	
27	1.012974.H36	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
28	1.012972.H36	Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại	
29	1.012975.H36	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	
30	1.012300.H36	Thủ tục xét tuyển Viên chức (85/2023/NĐ-CP)	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
31	1.012301.H36	Thủ tục tiếp nhận vào viên chức không giữ chức vụ quản lý	
32	1.012299.H36	Thủ tục thi tuyển Viên Chức (Nghị định số 85/2023/NĐ-CP)	
33	2.002096.000.00.00.H36	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
34	1.012223.H36	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín	
35	1.012222.H36	Công nhận người có uy tín	
36	1.012836.H36	Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitơ lỏng, găng tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò)	


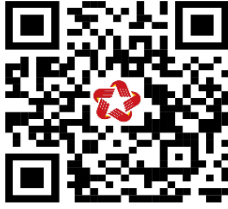

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
37	1.012837.H36	Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp <small>nguồn ngân sách nhà nước</small>	
38	1.012538.H36	Giải quyết chế độ, chính sách cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn, chết khi thực hiện nhiệm vụ	
39	1.012537.H36	Giải quyết chế độ, chính sách cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm y tế mà bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương khi thực hiện nhiệm vụ	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
40	1.013142.H36	Thủ tục giải quyết chế độ hưu trí đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu, nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc	
41	1.013181.H36	Thủ tục tiếp nhận, hoàn thiện hồ sơ, thẩm quyền cấp giấy chứng nhận hy sinh đề nghị công nhận liệt sĩ đối với quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng, người làm việc trong tổ chức cơ yếu thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh	
42	1.013170.H36	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần, cấp “Giấy chứng nhận” đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế	



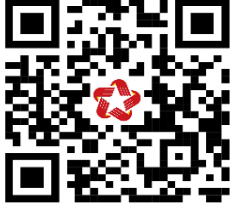
STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
43	1.013163.H36	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân; công nhân viên chức quốc phòng; dân quân tự vệ trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc (đối với đối tượng đã từ trần) do Bộ Quốc	
44	1.013157.H36	Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp hàng tháng đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có từ đủ 15 đến dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương	
45	1.013160.H36	Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 15 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương (đối tượng cư trú ở địa phương khác không còn lưu giữ được giấy tờ)	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
46	1.013159.H36	Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 15 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương (bao gồm cả đối tượng đã từ trần)	
47	1.013155.H36	Thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với đối tượng du kích thôn, ấp ở miền Nam trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước theo Quyết định 188/2007/QĐ-TTg (đối tượng cư trú ở địa phương khác)	
48	1.013151.H36	Thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với đối tượng hạ sĩ quan, chiến sĩ quân đội theo Quyết định 188/2007/QĐ-TTg (đối tượng cư trú ở địa phương khác không còn lưu giữ được giấy tờ)	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
49	1.013150.H36	Thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với đối tượng hạ sĩ quan, chiến sĩ quân đội đã được hưởng chế độ trợ cấp một lần theo Quyết định 290/2005/QĐ-TTg (nay bổ sung đối tượng theo Quyết định 188/2007/QĐ-TTg)	
50	1.013152.H36	Thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với đối tượng du kích thôn, ấp ở miền Nam trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước theo Quyết định 188/2007/QĐ-TTg	
51	1.013173.H36	Thủ tục giải quyết chế độ hỗ trợ và cấp “Giấy chứng nhận” đối với người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế đang định cư ở nước ngoài ủy quyền cho thân nhân ở trong nước kê khai, nhận chế độ	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
52	1.013182.H36	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ, thẩm quyền cấp giấy chứng nhận bị thương đề nghị công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng, người làm việc trong tổ chức cơ yếu thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ bị thương trong chiến tranh đã chuyển ra	
53	1.013161.H36	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp hàng tháng đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu, nhập ngũ, tuyển dụng sau ngày 30/4/1975, tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế có từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm công tác thực tế trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.	
54	1.013147.H36	Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với dân quân tập trung ở miền Bắc, du kích tập trung ở miền Nam (bao gồm cả lực lượng mật quốc phòng)	

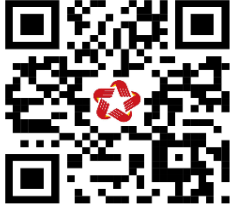


STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
55	1.013149.H36	Thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với đối tượng hạ sĩ quan, chiến sĩ quân đội theo Quyết định 188/2007/QĐ-TTg (đối tượng lập hồ sơ lần đầu)	
56	1.013148.H36	Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với dân quân tập trung ở miền Bắc, du kích tập trung ở miền Nam (bao gồm cả lực lượng mật quốc phòng), đối tượng cư trú ở địa phương khác không còn lưu giữ được giấy tờ	
57	1.013146.H36	Thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với đối tượng hạ sĩ quan, chiến sĩ quân đội tham gia chiến đấu, hoạt động ở chiến trường B, C, K, sau đó trở thành người hưởng lương	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
58	1.013145.H36	Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng, trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước (đối tượng cư trú ở địa phương khác không còn lưu giữ được giấy tờ)	
59	1.013144.H36	Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng, trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước	
60	1.013143.H36	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc (đối tượng từ trên)	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
61	2.001009.000.00.00.H36	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	
62	2.001406.000.00.00.H36	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	
63	2.001016.000.00.00.H36	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	


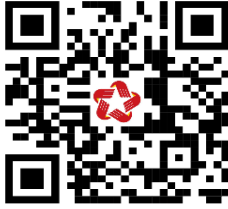

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
64	2.001019.000.00.00.H36	Thủ tục chứng thực di chúc	
65	2.001035.000.00.00.H36	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	
66	2.001008.000.00.00.H36	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
67	2.000992.000.00.00.H36	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã	
68	2.000942.000.00.00.H36	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	
69	2.000927.000.00.00.H36	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
70	2.000913.000.00.00.H36	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	
71	2.000884.000.00.00.H36	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	
72	2.000815.000.00.00.H36	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	



STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
73	2.000908.000.00.00.H36	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	
74	2.001088.000.00.00.H36	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số.	
75	1.013314.H36	Xác nhận về điều kiện diện tích bình quân nhà ở để đăng ký thường trú vào chỗ ở do thuê, mượn, ở nhờ; nhà ở, đất ở không có tranh chấp quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở, không thuộc địa điểm không được đăng ký thường trú mới	


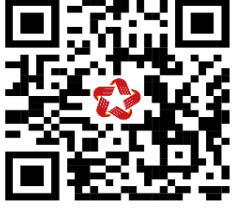

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
76	1.013313.H36	Xác nhận nơi thường xuyên đậu, đỗ; sử dụng phương tiện vào mục đích để ở	
77	1.013979.H36	Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông đối với trường hợp thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	
78	1.013967.H36	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
79	1.013965.H36	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích.	
80	1.013978.H36	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	
81	1.013953.H36	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
82	1.013950.H36	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất.	
83	1.013952.H36	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư.	
84	1.013962.H36	Giao đất ở cơ sở ưu tiên sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
85	1.013949.H36	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, giao hạn sử	
86	1.012817.H36	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	
87	1.012818.H36	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
88	1.012812.H36	Hòa giải tranh chấp đất đai	
89	1.012796.H36	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	
90	1.012753.H36	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất	



STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
91	1.013274.H36	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	
92	1.013061.H36	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	
93	2.001921.000.00.00.H36	Chấp thuận vị trí, quy mô, kiến trúc, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cố định, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn xe	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
94	1.000314.000.00.00.H36	Chấp thuận vị trí đầu nôi tạm vào đường bộ đang khai thác	
95	1.012085.H36	Thủ tục hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc theo đơn đề nghị	
96	1.012084.H36	Thủ tục cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với địa phương không tổ chức chính quyền cấp xã) theo đề nghị của cơ quan, tổ chức cá nhân	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
97	2.002409.000.00.00.H36	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	
98	2.002396.000.00.00.H36	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp xã	
99	3.000412.H36	Công nhận người lao động có thu nhập thấp	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
100	1.011608.H36	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	
101	1.011607.H36	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	
102	1.011606.H36	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
103	1.011609.H36	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	
104	1.012961.H36	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	
105	1.012962.H36	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
106	1.006390.000.00.00.H36	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	
107	1.006445.000.00.00.H36	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	
108	1.006444.000.00.00.H36	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
109	2.002284.000.00.00.H36	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc xã	
110	2.001960.000.00.00.H36	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	
111	1.012963.H36	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
112	1.005099.000.00.00.H36	Chuyên trường đối với học sinh tiểu học	
113	1.004552.000.00.00.H36	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	
114	2.001842.000.00.00.H36	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
115	1.001639.000.00.00.H36	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	
116	1.004563.000.00.00.H36	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	
117	1.012969.H36	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng	




STT	Mã THPT	Tên THPT	Chi tiết thủ tục
118	3.000307.H36	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng	
119	3.000308.H36	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	
120	1.012970.H36	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	




STT	Mã THPT	Tên THPT	Chi tiết thủ tục
121	1.012964.H36	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	
122	1.012967.H36	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	
123	1.012968.H36	Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	




STT	Mã THPT	Tên THPT	Chi tiết thủ tục
124	1.012966.H36	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại	
125	1.012965.H36	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	
126	2.002482.000.00.00.H36	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở Việt Nam về nước	




STT	Mã THPT	Tên THPT	Chi tiết thủ tục
127	2.002481.000.00.00.H36	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở.	
128	2.002483.000.00.00.H36	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở người nước ngoài	
129	1.005108.000.00.00.H36	Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	




STT	Mã THPT	Tên THPT	Chi tiết thủ tục
130	2.001904.000.00.00.H36	Tiếp nhận đối tượng học bỏ túc trung học cơ sở	
131	3.000182.000.00.00.H36	Tuyển sinh trung học cơ sở	
132	2.002771.H36	Xét duyệt trẻ em nhà trẻ bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
133	2.002770.H36	Xét duyệt học sinh bán trú, học viên bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	
134	1.008951.000.00.00.H36	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	
135	1.008950.000.00.00.H36	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
136	1.008725.000.00.00.H36	Chuyển đổi trường tiểu học tư thực, trường trung học cơ sở tư thực và trường phổ thông tư thực có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thực hoạt động không vì lợi nhuận	
137	1.008724.000.00.00.H36	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực hoạt động không vì lợi nhuận	
138	1.003702.000.00.00.H36	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
139	1.001622.000.00.00.H36	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	
140	1.002407.000.00.00.H36	Xét, cấp học bổng chính sách	
141	1.001714.000.00.00.H36	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	


STT	Mã THPT	Tên THPT	Chi tiết thủ tục
142	1.005143.000.00.00.H36	Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài	
143	1.000288.000.00.00.H36	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia	
144	1.000280.000.00.00.H36	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	



STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
145	1.000691.000.00.00.H36	Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia	
146	1.005040.H36	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	
147	1.002372.H36	Xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
148	1.009465.H36	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông	
149	1.009455.000.00.00.H36	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	
150	1.009444.000.00.00.H36	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	

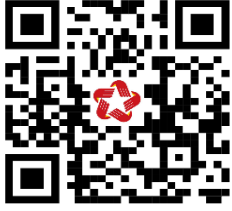


STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
151	1.009453.000.00.00.H36	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	
152	1.009452.000.00.00.H36	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	
153	1.009454.000.00.00.H36	Công bố hoạt động bến thủy nội địa	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
154	1.009447.000.00.00.H36	Công bố đóng cảng, bên thủy nội địa	
155	2.001211.000.00.00.H36	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	
156	2.001212.000.00.00.H36	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
157	2.001214.000.00.00.H36	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	
158	2.001215.000.00.00.H36	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	
159	1.003658.000.00.00.H36	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
160	1.004088.000.00.00.H36	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	
161	1.004047.000.00.00.H36	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	
162	1.004036.000.00.00.H36	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
163	2.001711.000.00.00.H36	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	
164	1.004002.000.00.00.H36	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	
165	1.003970.000.00.00.H36	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
166	1.006391.000.00.00.H36	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	
167	1.003930.000.00.00.H36	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	
168	2.001218.000.00.00.H36	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
169	2.001217.000.00.00.H36	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	
170	2.001659.000.00.00.H36	Xóa đăng ký phương tiện	
171	1.013227.H36	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
172	1.013228.H36	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	
173	1.013229.H36	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ:	
174	1.013225.H36	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
175	1.013232.H36	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	
176	1.013226.H36	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	
177	1.000080.H36	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
178	1.000110.H36	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	
179	1.000094.H36	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	
180	1.004827.H36	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
181	3.000323.H36	Đăng ký giám sát việc giám hộ	
182	3.000322.H36	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	
183	2.002516.000.00.00.H36	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
184	1.005461.000.00.00.H36	Đăng ký lại khai tử	
185	1.004746.000.00.00.H36	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	
186	1.004772.000.00.00.H36	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
187	1.004884.000.00.00.H36	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	
188	1.004873.000.00.00.H36	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	
189	1.004859.000.00.00.H36	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
190	1.004845.000.00.00.H36	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	
191	1.004837.000.00.00.H36	Thủ tục đăng ký giám hộ	
192	1.000419.000.00.00.H36	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
193	1.000593.000.00.00.H36	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	
194	1.003583.000.00.00.H36	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	
195	1.000656.000.00.00.H36	Thủ tục đăng ký khai tử	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
196	1.000689.000.00.00.H36	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	
197	1.001022.000.00.00.H36	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	
198	1.000894.000.00.00.H36	Thủ tục đăng ký kết hôn	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
199	1.001193.000.00.00.H36	Thủ tục đăng ký khai sinh	
200	2.001023.000.00.00.H36	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	
201	2.000986.000.00.00.H36	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
202	2.000497.000.00.00.H36	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	
203	2.000513.000.00.00.H36	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	
204	1.000893.000.00.00.H36	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
205	2.000522.000.00.00.H36	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	
206	2.000547.000.00.00.H36	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	
207	2.000554.000.00.00.H36	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
208	2.002189.000.00.00.H36	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	
209	2.000748.000.00.00.H36	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	
210	2.000756.000.00.00.H36	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
211	1.001669.000.00.00.H36	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	
212	1.001695.000.00.00.H36	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	
213	2.000779.000.00.00.H36	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
214	1.001766.000.00.00.H36	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	
215	2.000806.000.00.00.H36	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	
216	2.000528.000.00.00.H36	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
217	2.000635.000.00.00.H36	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	
218	2.002668.H36	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
219	1.000715.000.00.00.H36	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
220	1.000713.000.00.00.H36	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	
221	1.000711.000.00.00.H36	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	
222	1.012694.H36	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
223	1.012695.H36	Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng	
224	1.000045.000.00.00.H36	Xác nhận bảng kê lâm sản.	
225	1.000047.000.00.00.H36	Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
226	2.001261.000.00.00.H36	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	
227	2.001283.000.00.00.H36	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	
228	2.001270.000.00.00.H36	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
229	1.003434.000.00.00.H36	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp xã)	
230	1.013263.H36	Thủ tục xét tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	
231	1.013264.H36	Thủ tục xét truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
232	1.012922.H36	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng	
233	1.012531.H36	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	
234	3.000250.H36	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
235	1.011471.000.00.00.H36	Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã	
236	1.007919.000.00.00.H36	Thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công	
237	1.001279.000.00.00.H36	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
238	2.000629.000.00.00.H36	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	
239	2.000633.000.00.00.H36	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	
240	2.000150.000.00.00.H36	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
241	2.000162.000.00.00.H36	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	
242	2.000181.000.00.00.H36	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	
243	2.000615.000.00.00.H36	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
244	2.001240.000.00.00.H36	Cấp lại Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	
245	2.000620.000.00.00.H36	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	
246	1.010736.000.00.00.H36	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường (cấp xã) (1.010736)	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
247	1.011995	Lựa chọn, phê duyệt dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất, dịch vụ của cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	
248	1.003596.000.00.00.H36	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)	
249	1.003605.000.00.00.H36	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp huyện)	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
250	2.002349.H36	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	
251	1.003005.000.00.00.H36	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	
252	2.002363.000.00.00.H36	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
253	2.001255.000.00.00.H36	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	
254	2.001263.000.00.00.H36	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	
255	1.013749.H36	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đảng cử ở lại miền nam hoạt động sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
256	1.013743.H36	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đảng cử ở lại miền Nam hoạt động sau Hiệp định Gionevo năm 1954 đối với cán bộ, sỹ quan thuộc lực lượng vũ trang (công an, quân đội)	
257	1.013750.H36	Thăm viếng mộ liệt sỹ.	
258	1.010788.H36	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
259	2.001396.H36	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	
260	2.001157.H36	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	
261	1.010821.000.00.00.H36	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
262	1.010811.000.00.00.H36	Cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	
263	1.010824.000.00.00.H36	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	
264	1.010820.000.00.00.H36	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng.	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
265	1.010819.000.00.00.H36	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	
266	1.010815.000.00.00.H36	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng.	
267	1.010814.000.00.00.H36	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
268	1.010825.000.00.00.H36	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ.	
269	1.010816.000.00.00.H36	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	
270	1.010812.000.00.00.H36	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
271	1.010810.000.00.00.H36	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	
272	1.010805.000.00.00.H36	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	
273	1.010804.000.00.00.H36	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
274	1.010818.000.00.00.H36	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	
275	1.010817.000.00.00.H36	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	
276	1.010803.000.00.00.H36	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
277	1.010833.000.00.00.H36	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	
278	1.010830.000.00.00.H36	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	
279	1.010829.000.00.00.H36	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
280	1.010802.000.00.00.H36	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác	
281	1.010801.000.00.00.H36	Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	
282	2.002308.000.00.00.H36	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
283	2.002307.000.00.00.H36	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	
284	1.001257.000.00.00.H36	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	
285	1.004964.000.00.00.H36	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Campuchia	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
286	1.012888.H36	Công nhận Ban quản trị nhà chung cư	
287	1.013795.H36	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	
288	1.013793.H36	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	



STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
289	1.013794.H36	Thủ tục gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	
290	1.013792.H36	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	
291	1.010940.000.00.00.H36	Công bố cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	


STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
292	1.010938.000.00.00.H36	Công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	
293	1.010941.000.00.00.H36	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện	
294	1.010939.000.00.00.H36	Công bố lại tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
295	2.001661.000.00.00.H36	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	
296	2.002403.000.00.00.H36	Thủ tục thực hiện việc giải trình	
297	2.002402.000.00.00.H36	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
298	2.002400.000.00.00.H36	Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập	
299	1.002211.000.00.00.H36	Thủ tục công nhận hòa giải viên (cấp xã)	
300	2.000950.000.00.00.H36	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải (cấp xã)	


STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
301	2.000424.000.00.00.H36	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	
302	2.002080.000.00.00.H36	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	
303	2.000930.000.00.00.H36	Thủ tục thôi làm hòa giải viên (cấp xã)	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
304	3.000410.H36	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản không có người thừa kế	
305	3.000325.H36	Thanh toán chi phí liên quan đến xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	
306	3.000326.H36	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
307	3.000327.H36	Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	
308	1.010092.000.00.00.H36	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	
309	1.010091.000.00.00.H36	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
310	1.013734.H36	Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết .	
311	1.013706.H36	Thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội	
312	1.013703.H36	Thành lập hội	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
313	1.013717.H36	Quỹ tự giải thể	
314	1.013710.H36	Hỗ trợ chi phí y tế và thu nhập thực tế bị mất hoặc giảm sút cho người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe	
315	1.013716.H36	Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
316	1.013708.H36	Hội tự giải thể	
317	1.013712.H36	Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng quản lý quỹ	
318	1.013713.H36	Công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
319	1.013702.H36	Công nhận ban vận động thành lập hội	
320	1.013715.H36	Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động	
321	1.013709.H36	Cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
322	1.013707.H36	Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	
323	1.013714.H36	Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	
324	1.013711.H36	Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
325	1.013704.H36	Báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	
326	1.013040.H36	Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	
327	1.008603.000.00.00.H36	Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
328	1.008455.000.00.00.H36	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	
329	1.003141.000.00.00.H36	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp xã	
330	1.002662.000.00.00.H36	Thủ tục thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp xã	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
331	1.012996.H36	Thanh toán, xóa nợ tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân được ghi nợ	
332	1.012994.H36	Khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	
333	1.012995.H36	Ghi nợ tiền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp được bố trí tái định cư	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
334	1.001662.000.00.00.H36	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất	
335	1.012568.H36	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý	
336	1.012569.H36	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	



STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
337	1.010945.000.00.00.H36	Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã	
338	1.013797.H36	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC CUỘC LỄ NGOÀI CƠ SỞ TÔN GIÁO, ĐỊA ĐIỂM HỢP PHÁP ĐÃ ĐĂNG KÝ CÓ QUY MÔ TỔ CHỨC Ở MỘT XÃ	
339	1.013796.H36	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI CỦA TỔ CHỨC TÔN GIÁO, TỔ CHỨC TÔN GIÁO TRỰC THUỘC, TỔ CHỨC ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT XÃ	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
340	1.013798.H36	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ GIẢNG ĐẠO NGOÀI ĐỊA BÀN PHỤ TRÁCH, CƠ SỞ TÔN GIÁO, ĐỊA ĐIỂM HỢP PHÁP ĐÃ ĐĂNG KÝ CÓ QUY MÔ TỔ CHỨC TRONG MỘT XÃ	
341	1.012598.H36	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC CUỘC LỄ NGOÀI CƠ SỞ TÔN GIÁO, ĐỊA ĐIỂM HỢP PHÁP ĐÃ ĐĂNG KÝ CÓ QUY MÔ TỔ CHỨC Ở MỘT HUYỆN (CẤP HUYỆN)	
342	1.012584.H36	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG TRONG ĐỊA BÀN MỘT XÃ (CẤP XÃ)	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
343	1.012582.H36	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG ĐẾN ĐỊA BÀN XÃ KHÁC (CẤP XÃ)	
344	1.012585.H36	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA NHÓM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG (CẤP XÃ)	
345	1.012590.H36	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG (CẤP XÃ)	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
346	1.012592.H36	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÍN NGƯỠNG (CẤP XÃ)	
347	1.012591.H36	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ BỔ SUNG HOẠT ĐỘNG TÍN NGƯỠNG (CẤP XÃ)	
348	2.001199.000.00.00.H36	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	



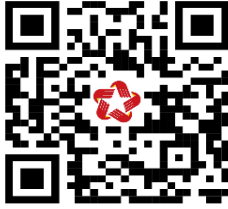
STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
349	2.002226.000.00.00.H36	Thông báo thành lập/thay đổi tổ hợp tác	
350	2.002228.000.00.00.H36	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	
351	2.002650.H36	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
352	2.002649.H36	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
353	2.002648.H36	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
354	2.002646.H36	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
355	2.002645.H36	Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
356	2.002642.H36	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	
357	2.002640.H36	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
358	2.002639.H36	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	
359	2.002638.H36	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	
360	2.002637.H36	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
361	2.002644.H36	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác	
362	2.002643.H36	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
363	2.002641.H36	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
364	2.002636.H36	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo	
365	2.002635.H36	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	
366	1.004901.000.00.00.H36	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
367	1.005010.000.00.00.H36	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
368	1.005377.000.00.00.H36	Thông báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	
369	2.001958.000.00.00.H36	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
370	1.004979.000.00.00.H36	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	
371	1.005378.000.00.00.H36	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
372	1.004982.000.00.00.H36	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
373	2.001973.000.00.00.H36	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
374	1.005277.000.00.00.H36	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	
375	2.002123.000.00.00.H36	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
376	1.005280.000.00.00.H36	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	
377	2.000575.000.00.00.H36	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	
378	2.000720.000.00.00.H36	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
379	1.001266.000.00.00.H36	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	
380	1.001570.000.00.00.H36	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	
381	1.001612.000.00.00.H36	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
382	2.000794.000.00.00.H36	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	
383	1.005090.000.00.00.H36	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú	
384	1.013768.H36	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước trên địa bàn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
385	2.001621.000.00.00.H36	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	
386	1.003440.000.00.00.H36	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	
387	1.003446.000.00.00.H36	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
388	1.003471.000.00.00.H36	Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	
389	1.003347.000.00.00.H36	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã.	
390	2.001627.000.00.00.H36	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp.	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
391	1.004478.H36	Công bố mở cảng cá loại III	
392	1.004498.000.00.00.H36	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	
393	1.003956.000.00.00.H36	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	




STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
394	2.001944.000.00.00.H36	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	
395	1.004941.000.00.00.H36	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	
396	2.001942.000.00.00.H36	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	


STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
397	1.004944.000.00.00.H36	Châm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	
398	2.001947.000.00.00.H36	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	
399	1.004946.000.00.00.H36	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
400	1.008004.000.00.00.H36	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa	
401	2.002622.H36	Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất	
402	2.002621.H36	Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
403	1.013128.H36	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở kinh doanh xăng, dầu chỉ có nguy cơ xảy ra tràn dầu ở mức nhỏ trên đất liền, trên sông, trên biển	
404	3.000468.H36	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (tại cấp xã)	
405	3.000467.H36	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (tại cấp xã)	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
406	1.013791.H36	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ đăng ký lễ hội quy mô cấp xã	
407	1.003622.000.00.00.H36	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	
408	1.013724.H36	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động .	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
409	1.013725.H36	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh .	
410	2.002501.000.00.00.H36	Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã	
411	1.014027	thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Chi tiết thủ tục
412	1.014028	Hỗ trợ mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	

đổi với thủ tục này thông thường nộp tại trường học

